

chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xem xét các phương án huy động vốn, cân đối các nguồn vốn và chịu trách nhiệm vay vốn đầu tư, quản lý sử dụng và trả nợ các nguồn vốn vay theo đúng các quy định của Nhà nước.

Trong thời gian đầu, Tổng công ty Giấy Việt Nam chỉ đạo Công ty Nguyên liệu giấy Đồng Nai tiến hành thực hiện Dự án, sau đó thành lập Công ty Dịch vụ trồng rừng nguyên liệu giấy và sản xuất kinh doanh bột giấy Kon Tum, trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam để tiếp tục thực hiện Dự án. Bảo đảm ngay từ đầu nhà máy sản xuất bột giấy gắn kết với vùng nguyên liệu, có trách nhiệm đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài và điều hòa lợi ích giữa người trồng rừng nguyên liệu và người sản xuất bột giấy.

Tổng công ty Giấy Việt Nam có kế hoạch làm việc với các nước bạn Lào và Campuchia để mua bổ sung nguồn nguyên liệu cho nhà máy bột giấy hoạt động đủ công suất trong những năm đầu.

2. Giao Bộ Công nghiệp, Tổng công ty Giấy Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính tìm thêm nguồn vốn ODA để thực hiện Dự án.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc quy hoạch, thiết kế, khai thác các vùng rừng tự nhiên làm nguyên liệu giấy bảo đảm đúng quy trình kỹ thuật, để rừng tái sinh phục hồi sau mỗi luân kỳ khai thác.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm bảo đảm đủ diện tích đất cho Dự án theo quy hoạch trồng rừng nguyên liệu giấy, chỉ đạo thực hiện việc giao và khoán đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định lâu dài theo quy định hiện hành cho các hộ, các cá nhân và tổ chức có tư cách pháp nhân để trồng rừng nguyên liệu giấy. Ngoài mức hạn điền theo

quy định của địa phương, các hộ nông dân, các cá nhân còn được nhận thuê, khoán đất để trồng rừng (nếu còn quỹ đất).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TÂN

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21/8/2001
về tổ chức và quản lý hội nghị, hội
thảo quốc tế tại Việt Nam.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này là hội nghị, hội thảo do các cơ quan, tổ chức của Việt Nam tổ chức hoặc đăng cai tổ chức có sự tham gia hoặc tài trợ của nước ngoài; do các cơ quan, tổ chức nước ngoài tổ chức tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là hội nghị, hội thảo quốc tế).

Điều 2. Đối tượng áp dụng các quy định về tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc Quyết định này gồm:

1. Các cơ quan, tổ chức của Việt Nam:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là cơ quan Trung ương) và các đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là địa phương) và các đơn vị trực thuộc.

c) Các cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân: bao gồm các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, và một số tổ chức khác.

2. Các cơ quan, tổ chức nước ngoài được quy định trong Quyết định này là các cơ quan, tổ chức nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Thẩm quyền cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế:

1. Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế sau:

a) Hội nghị, hội thảo quốc tế cấp cao, thành viên tham dự là người đứng đầu hoặc quan chức là cấp Bộ trưởng hoặc tương đương trở lên của các nước, các tổ chức quốc tế.

b) Hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung liên quan đến các vấn đề chính trị, dân tộc, tôn giáo, an ninh, quốc phòng và phạm vi bí mật nhà nước.

2. Thủ trưởng cơ quan trung ương, địa phương quyết định việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của cơ quan, địa phương mình và cho phép các đơn vị trực thuộc, các cơ quan, tổ chức nước ngoài do cơ quan trung ương, địa phương trực tiếp cấp giấy phép hoạt động được tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, phù hợp với quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan, địa phương theo quy định hiện hành.

3. Hội nghị, hội thảo quốc tế do các tổ chức nhân dân tổ chức, thực hiện theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Điều 4. Nội dung quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

Các cơ quan trung ương, địa phương quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế theo các nội dung sau:

1. Trình Thủ tướng Chính phủ cho phép hoặc quyết định cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế bằng văn bản trên cơ sở xét duyệt kế hoạch, nội dung, quy mô, số lượng và thành phần đại biểu (trong nước và ngoài nước), thời gian, địa điểm và nguồn kinh phí. Văn bản cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan Trung ương, địa phương được đồng gửi Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ để tổng hợp, theo dõi.

2. Quản lý công tác tổ chức, nội dung bài phát biểu, nội dung thông tin tuyên truyền và các ấn phẩm phát hành trước, trong và sau hội nghị, hội thảo quốc tế.

3. Phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời đối với cá nhân và tổ chức có các hành vi vi phạm pháp luật hoặc cố ý làm trái các quy định của Quyết định này trong quá trình tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.

4. Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình quản lý tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của cơ quan Trung ương, địa phương gửi Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế:

1. Các cơ quan, tổ chức của Việt Nam, khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế phải thực hiện các quy định sau:

a) Xin phép cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 của Quyết định này bằng văn bản trước khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế ít nhất là 1 tháng đối với hội nghị, hội thảo thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ và 15 ngày đối với các hội

ng nghị, hội thảo thuộc thẩm quyền của cơ quan trung ương, địa phương.

Nội dung văn bản xin phép cần nêu rõ:

- Mục đích của hội nghị, hội thảo;
- Nội dung của hội nghị, hội thảo;
- Thời gian và địa điểm tổ chức, địa điểm tham quan, khảo sát (nếu có);
- Thành phần tham gia tổ chức: cơ quan phía Việt Nam, cơ quan phía nước ngoài, cơ quan tài trợ (nếu có);
- Thành phần tham dự: số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu bao gồm cả đại biểu Việt Nam và đại biểu nước ngoài;
- Nguồn kinh phí;
- Ý kiến của cơ quan liên quan (nếu có).

b) Lập dự toán kinh phí theo quy định về quản lý tài chính đối với các hội nghị, hội thảo quốc tế được tổ chức bằng nguồn ngân sách trong nước. Thực hiện các quy định về chi tiêu, thanh quyết toán tài chính.

c) Chịu trách nhiệm về nội dung các tài liệu, báo cáo, tham luận, các tư liệu, số liệu tại hội nghị, hội thảo quốc tế; nội dung các ấn phẩm phát hành trước, trong và sau hội nghị, hội thảo.

d) Thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật, các quy định trong việc thông tin tuyên truyền.

đ) Thông báo ngay lên cơ quan có thẩm quyền để chỉ đạo xử lý kịp thời đối với trường hợp hội nghị, hội thảo có những diễn biến phức tạp.

e) Gửi báo cáo tóm tắt kết quả hội nghị, hội thảo cho cơ quan đã cho phép tổ chức và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ trong thời hạn 1 tháng sau khi kết thúc hội nghị, hội thảo.

2. Các cơ quan, tổ chức nước ngoài khi tổ chức hội nghị, hội thảo phải thực hiện các quy định sau:

a) Xin phép cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 của Quyết định này bằng văn bản trước

khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế ít nhất là 2 tháng đối với hội nghị, hội thảo thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và 1 tháng đối với các hội nghị, hội thảo thuộc thẩm quyền của cơ quan Trung ương, địa phương.

b) Nội dung văn bản xin phép cần nêu rõ:

- Mục đích của hội nghị, hội thảo;
- Nội dung của hội nghị, hội thảo;
- Thời gian và địa điểm tổ chức, địa điểm tham quan, khảo sát (nếu có);
- Thành phần tham gia tổ chức và số lượng đại biểu nước ngoài và đại biểu Việt Nam.

c) Chấp hành luật pháp và các quy định của Việt Nam liên quan đến việc tổ chức hội nghị, hội thảo.

Điều 6. Tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp và toàn diện các hội nghị, hội thảo quốc tế nêu tại Điều 1 và khoản 1 Điều 4 của Quyết định này.

2. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ là cơ quan đầu mối của Chính phủ chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp và báo cáo hàng năm tình hình các hội nghị, hội thảo quốc tế của các cơ quan Trung ương và địa phương lên Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với những hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan Trung ương, địa phương nào thì cơ quan tổ chức phải lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan, địa phương đó trước khi trình cấp có thẩm quyền cho phép tổ chức. Các cơ quan, địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, quá thời hạn đó, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động cho các cơ quan, tổ chức nước ngoài có trách nhiệm thẩm định nội dung và các hoạt động liên quan đến hội nghị, hội thảo quốc tế do các cơ quan, tổ chức này đề nghị trước khi tiến hành các thủ tục theo quy định của Quyết định này.

Điều 7. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quyết định này, thì tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyết định này thay cho Quyết định số 236/1999/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ và có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHẦN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 123/2001/QĐ-TTg ngày 22/8/2001 về việc thành lập Đài Truyền hình khu vực Phú Yên trực thuộc Đài Truyền hình Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 52/CP ngày 16 tháng 8 năm 1993 của Chính phủ quy định chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Đài Truyền hình Việt Nam;

Nhằm từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống truyền hình Quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đài Truyền hình khu vực Phú Yên trực thuộc Đài Truyền hình Việt Nam.

Đài Truyền hình khu vực Phú Yên có chức năng sản xuất, phát sóng phục vụ cho các chương trình chung của Đài Truyền hình Việt Nam và sản xuất, phát sóng các chương trình dành cho khu vực gồm các tỉnh: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Đồng.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Đài Truyền hình khu vực Phú Yên do Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam quy định sau khi trao đổi thống nhất ý kiến với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Điều 3. Giải thể Đài Truyền hình Phú Yên và chuyển giao toàn bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và biên chế của Đài Truyền hình Phú Yên về Đài Truyền hình khu vực Phú Yên trực thuộc đài Truyền hình Việt Nam.

Giao Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện việc bàn giao này.

Điều 4. Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam có trách nhiệm từng bước xây dựng và củng cố cơ sở vật chất và tổ chức bộ máy của Đài Truyền hình khu vực Phú Yên để thực hiện tốt nhiệm vụ của một Đài Truyền hình khu vực.